

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
HÀ TÂY**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(V/v: Công bố thông tin BCTC năm
2025)

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Dược phẩm Hà Tây thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: DHT
- Địa chỉ: Số 10A phố Quang Trung, phường Hà Đông, TP. Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0433 501 117 Fax: 0433 829 054
- Email: duochatay@gmail.com
- Website: <https://www.hataphar.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025
 - ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

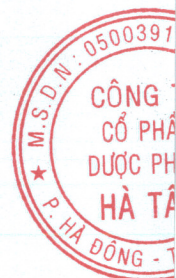
☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):



☐ Có☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 16/03/2026 tại đường dẫn: <https://www.hataphar.com.vn/thong-tin-co-dong.html>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025: Không có

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....

- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng,

BCTC HN năm 2025

- Văn bản giải trình



Ngô Văn Chinh





Số: 184/CV-BCTC-DHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026

**Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên đơn vị: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

Mã chứng khoán: DHT

Địa chỉ trụ sở chính: 10A Quang Trung – Phường Hà Đông – TP. Hà Nội

Điện thoại: 0433 501 117 – Fax: 0433 829 054

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Ngô Văn Chinh – Trưởng Ban kiểm soát.

Trong Báo cáo tài chính riêng năm 2025, kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây như sau:

Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2025 là 52.445.587.221 đồng so với tổng lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 67.563.189.336 đồng, chênh lệch giảm 15.117.602.115 đồng tương ứng giảm 22,38% do:

- Chi phí bán hàng năm 2025 là 32.262.938.872 đồng so với chi phí bán hàng năm 2024 là 27.297.191.318 đồng, chênh lệch tăng 4.965.747.554 đồng tương ứng tăng 18,19%;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2025 là 124.979.154.101 đồng so với chi phí QLDN năm 2024 là 106.525.953.824 đồng, chênh lệch tăng 18.453.200.277 đồng tương ứng tăng 17,32%.

Vậy Công ty xin báo cáo Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội biết.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu: TV-VT-GĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY



DS. Lê Xuân Thắng

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Lớ	Chủ tịch
Ông Lê Anh Trung	Phó chủ tịch
Bà Lê Việt Linh	Thành viên
Ông Lê Xuân Thắng	Thành viên
Ông Hoàng Văn Tuế	Thành viên
Ông Hiroyasu Nishioka	Thành viên
Ông Keisuke Oshio	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Xuân Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Lai	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Anh Trung	Phó Tổng giám đốc
Bà Lê Việt Linh	Phó Tổng giám đốc
Ông Ngô Tuấn Việt	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng này hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,
CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY



Lê Xuân Thắng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

Số: 1203.02-26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10/3/2026, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Thị Hồng Vân
Phó Tổng giám đốc – Giám đốc kiểm toán
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Phạm Thị Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2023-034-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		852.330.784.028	878.083.877.890
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	62.204.146.573	69.332.546.815
1. Tiền	111		62.204.146.573	49.332.546.815
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		150.000.000.000	90.000.000.000
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.	150.000.000.000	90.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		149.789.659.797	194.274.305.948
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	117.809.555.476	130.260.462.165
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	32.697.898.240	58.456.628.765
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	3.163.351.575	8.868.366.252
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6.	(3.881.145.494)	(3.311.151.234)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	490.336.977.658	500.275.955.440
1. Hàng tồn kho	141		490.336.977.658	502.237.005.191
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.961.049.751)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	24.201.069.687
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	23.569.800.473
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.14.	-	631.269.214
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.021.303.483.731	991.993.422.748
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.407.042.500	-
1 Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	6.407.042.500	-
II. Tài sản cố định	220		159.786.858.109	171.359.140.731
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	158.410.198.109	169.982.480.731
- Nguyên giá	222		398.075.756.774	390.168.870.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(239.665.558.665)	(220.186.389.794)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8.	1.376.660.000	1.376.660.000
- Nguyên giá	228		2.026.660.000	2.026.660.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(650.000.000)	(650.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		823.583.883.872	790.109.801.102
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9.	823.583.883.872	790.109.801.102
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	25.893.525.000	25.893.525.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		22.743.525.000	22.743.525.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.150.000.000	3.150.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.632.174.250	4.630.955.915
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	5.632.174.250	4.630.955.915
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.873.634.267.759	1.870.077.300.638

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		803.590.904.233	852.479.524.333
I. Nợ ngắn hạn	310		717.185.556.686	751.163.268.861
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	256.117.722.179	223.336.294.360
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	177.873.939.986	130.401.909.109
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	4.293.778.212	5.620.857.096
4. Phải trả người lao động	314		25.671.261.962	14.679.425.689
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17.	111.756.803	162.743.579
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18.	575.370.229	909.298.387
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	191.526.944	72.107.933
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.	249.995.403.408	373.273.974.867
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.354.796.963	2.706.657.841
II. Nợ dài hạn	330		86.405.347.547	101.316.255.472
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.	3.337.100.000	4.403.300.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15.	83.068.247.547	96.912.955.472
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.070.043.363.526	1.017.597.776.305
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19.	1.070.043.363.526	1.017.597.776.305
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		905.755.510.000	823.417.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		905.755.510.000	823.417.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.282.220.000	96.320.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		24.375.893.101	24.375.893.101
4. Cổ phiếu quỹ	415		(15.130.000)	(15.130.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.963.148.976	8.963.148.976
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		94.681.721.449	64.536.134.228
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		42.236.134.228	38.143.074.892
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		52.445.587.221	26.393.059.336
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.873.634.267.759	1.870.077.300.638

Người lập

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Tuế

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Tổng Giám đốc

Lê Xuân Thắng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.294.223.456.973	1.956.145.098.825
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	345.784.860	190.968.300
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.3	2.293.877.672.113	1.955.954.130.525
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.4	2.098.329.883.096	1.754.424.676.492
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		195.547.789.017	201.529.454.033
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	31.379.743.250	25.302.361.900
7 Chi phí tài chính	22	VI.6	19.794.930.879	20.023.900.458
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.056.306.308	13.449.114.864
8 Chi phí bán hàng	24	VI.9	32.262.938.872	27.297.191.318
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.9	124.979.154.101	106.525.953.824
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		49.890.508.415	72.984.770.333
11 Thu nhập khác	31	VI.7	15.884.405.839	13.536.671.327
12 Chi phí khác	32	VI.8	876.326.589	1.108.314.581
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		15.008.079.250	12.428.356.746
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		64.898.587.665	85.413.127.079
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	12.453.000.444	17.849.937.743
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		52.445.587.221	67.563.189.336

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Bích Ngọc

Hoàng Văn Tuế

Lê Xuân Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		64.898.587.665	85.413.127.079
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		21.989.808.998	18.344.126.399
- Các khoản dự phòng	03		(1.391.055.491)	(462.529.106)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(303.256)	1.287.018.069
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.132.398.349)	(14.010.580.656)
- Chi phí lãi vay	06		13.056.306.308	13.449.114.864
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		84.420.945.875	104.020.276.649
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		62.774.706.453	27.760.424.043
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		11.900.027.533	(148.109.914.009)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		89.311.329.883	70.816.145.663
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.001.218.335)	(2.121.335.627)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.107.293.084)	(13.417.249.703)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.155.201.692)	(16.433.521.768)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(323.119.766)	(325.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		220.820.176.867	22.189.775.248
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(43.891.609.146)	(142.965.554.066)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		102.700.000	150.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(210.000.000.000)	(230.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		150.000.000.000	240.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.963.670.974	13.502.662.791
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(90.825.238.172)	(119.312.891.275)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		648.788.163.622	746.915.115.047
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(785.911.443.006)	(780.428.609.980)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(82.340.260.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(137.123.279.384)	(115.853.754.933)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(7.128.340.689)	(212.976.870.960)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		69.332.546.815	282.314.872.903
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi ngoại tệ	61		(59.553)	(5.455.128)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	62.204.146.573	69.332.546.815

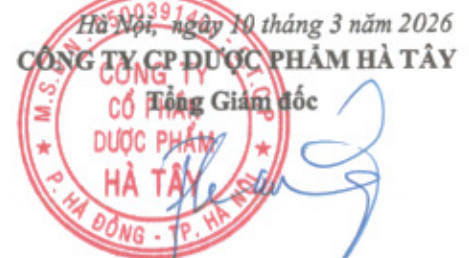
Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Hoàng Văn Tuế

Lê Xuân Thắng



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1911/QĐ/UB ngày 21/12/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 030300015 ngày 10/01/2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp. Công ty có 26 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500391400 thay đổi lần thứ 26 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2025 thì vốn điều lệ của Công ty tăng lên thành **905.755.510.000 đồng** (Chín trăm linh năm tỷ, bảy trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm mười nghìn đồng./.).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là DHT.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuốc, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc; Sản xuất dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối thuốc, nguyên vật liệu làm thuốc do chính cơ sở sản xuất tại Việt Nam;
- Thực hiện quyền phân phối bán buôn thuốc và nguyên liệu làm thuốc do chính cơ sở sản xuất tại Việt Nam; Bán thuốc, nguyên liệu làm thuốc cho cơ sở bán thuốc, nguyên liệu làm thuốc theo khoản 10 điều 91 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng; Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn hàng hóa theo quy định của pháp luật (không bao gồm hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia và lúa gạo, đường mía, đường củ cải)/.

Trụ sở chính Công ty tại: số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị hạch toán báo sổ của Công ty

- | | |
|--|--|
| 1. Chi nhánh Dược phẩm số 1 | - Địa chỉ: Tầng 4 số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 2. Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây tại Nghệ An | - Địa chỉ: Số 80, Đường Nguyễn Trãi, Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An, Việt Nam |

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

- | | |
|--|---|
| 3. Chi nhánh Dược phẩm Ba Vì | - Địa chỉ: Số 406, đường Quảng Oai, xã Quảng Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 4. Chi nhánh Dược phẩm Thường Tín | - Địa chỉ: Số 251 phố Ga, Xã Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 5. Chi nhánh Dược phẩm Mỹ Đức | - Địa chỉ: Số 92 đội 3, Thôn Tế Tiêu, Xã Mỹ Đức, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 6. Chi nhánh Đan Phượng | - Địa chỉ: Số nhà 2, đường 422, Khu 6, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 7. Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây tại Thái Bình | - Địa chỉ: Lô 13, tổ 22, đường Đốc Đen, khu tái định cư, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam |
| 8. Chi nhánh Dược phẩm Phú Xuyên | - Địa chỉ: Tiểu khu Mỹ Lâm, xã Phú Xuyên, thành Hà Nội, Việt Nam |
| 9. Chi nhánh Dược phẩm Sơn Tây | - Địa chỉ: Số 122, Lê Lợi, phường Sơn Tây, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 10. Chi nhánh Dược phẩm Quốc Oai | - Địa chỉ: Địa chỉ: Đường phố Huyện, xã Quốc Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 11. Chi nhánh Dược phẩm Ứng Hòa | - Địa chỉ: Số 96, xóm Hồng Phong, thôn Hoàng Xá, xã Văn Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 12. Chi nhánh Dược phẩm Thanh Oai | - Địa chỉ: Số nhà 121, phố Kim Bài, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 13. Chi nhánh Dược phẩm Thạch Thất | - Địa chỉ: Đường 84, xã Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 14. Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây | - Địa chỉ: Tầng 4 số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam |

Danh sách Công ty con kiểm soát trực tiếp của Công ty

Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty con là Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà Tây có trụ sở chính tại Số 10, ngõ 4, phố Xóm, phường Phú Lương, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là sản xuất thực phẩm chức năng và kinh doanh thiết bị y tế. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 50,63%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Danh sách các Công ty liên kết của Công ty

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1. Công ty TNHH Hataphar Miền Nam.	62 Trần Văn Giáp, Phường Phú Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh máy, thiết bị, dụng cụ y tế.	48,28%	48,28%
2. Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam.	Số 80 phố Quang Trung, Phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh và phân phối thuốc.	49%	49%

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

7. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2025 là 586 người (tại ngày 31/12/2024 là 780 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở, mục đích lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập là Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ. Công ty lập Báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (như chi tiết trình bày tại Thuyết minh số I.5.) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Công ty.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng Thương mại nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng là tỷ giá công bố của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.

3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Tại ngày 31/12/2025, Công ty không có khoản đầu tư cần trích lập dự phòng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán riêng theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

- Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 25
- Máy móc thiết bị	06 – 10
- Phương tiện vận tải	03 – 07
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
- Tài sản cố định khác	04

Khác khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán riêng theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới quyền sử dụng đất lâu dài tại số 62 Trần Văn Giáp, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

11. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí sửa chữa nhà xưởng; công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí sửa chữa các nhà xưởng thể hiện các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

12. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên kết;

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi vay. Chi phí lãi vay được xác định căn cứ vào hợp đồng vay.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản nhận trước của khách hàng cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê văn phòng, địa điểm.

17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

Cổ phiếu quỹ mua trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán (01/01/2021) là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ sau ngày mua sau ngày 01/01/2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Theo quy định tại Khoản 4 điều số 34 Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ - Quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp, Các doanh nghiệp đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 có quyền mua bán, chuyển nhượng, tăng, giảm phần vốn góp, số cổ phần nhưng không được làm tăng thêm tỷ lệ sở hữu chéo so với thời điểm trước ngày 01 tháng 7 năm 2015. Khoản Công ty con góp vốn vào Công ty là từ trước thời điểm 01/07/2015 và cũng không tăng tỷ lệ sở hữu chéo hiện có.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ bán hàng hóa, thành phẩm thuốc, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập khác của Công ty là tiền thu từ cho thuê nhà, thu thanh lý tài sản cố định, thu cho thuê nhân công, thu từ đào tạo, hợp tác kinh doanh và các khoản thu nhập khác, được ghi nhận trên cơ sở Hợp đồng cho thuê nhà, hợp đồng bán thanh lý tài sản cố định, hóa đơn tài chính, phiếu thu, chứng từ ngân hàng và các chứng từ kế toán có liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)***19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá.

20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác***Các nghĩa vụ về thuế******Thuế giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền	62.204.146.573	49.332.546.815
<i>Tiền mặt</i>	<i>3.282.320.320</i>	<i>6.304.273.376</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>58.921.826.253</i>	<i>43.028.273.439</i>
Tiền gửi ngân hàng VND	58.797.090.293	42.795.836.641
Tiền gửi ngân hàng USD	113.685.066	224.301.351
Tiền gửi ngân hàng EUR	11.050.894	8.135.447
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
Cộng	62.204.146.573	69.332.546.815

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	150.000.000.000	150.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (1)	80.000.000.000	80.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Đông (2)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (3)	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
Cộng	150.000.000.000	150.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000

(1) Hợp đồng tiền gửi số 320/2025/21810 ngày 03/7/2025, số tiền 80 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 4,8%/năm, trả lãi cuối kỳ.

(2) Bao gồm: Hợp đồng tiền gửi số 187/HỆTG/VAB-DHT ngày 08/8/2025, số tiền 10 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,9%/năm, trả lãi cuối kỳ và Hợp đồng tiền gửi số 245/HỆTG/VAB_DHT ngày 27/9/2025, số tiền 20 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,9%/năm, trả lãi cuối kỳ.

(3) Bao gồm: Hợp đồng tiền gửi số 1458888368019TGKH/TCB ngày 30/9/2025, số tiền 20 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,9%/năm, trả lại cuối kỳ và Hợp đồng tiền gửi số 14588888368027TGKH/TCB ngày 30/9/2025, số tiền 20 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,9%/năm, trả lãi cuối kỳ.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	22.743.525.000	-	22.743.525.000	-
Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà Tây (i)	22.743.525.000	-	22.743.525.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	3.150.000.000	-	3.150.000.000	-
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam (ii)	700.000.000	-	700.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam (iii)	2.450.000.000	-	2.450.000.000	-
Cộng (*)	25.893.525.000	-	25.893.525.000	-

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết trong năm:

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 15/4/2016 thì Công ty đầu tư 20.857.750.000 đồng vào Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà Tây, tương đương 50,63% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 20.857.750.000 đồng, tương đương 50,63% vốn điều lệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 15/6/2017 thì Công ty đầu tư 700.000.000 đồng vào Công ty TNHH Hataphar Miền Nam, tương đương 48,28% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 700.000.000 VND, tương đương 48,28% vốn điều lệ.

(iii) Trong năm, Công ty Cổ phần Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam trả cổ tức bằng cổ phiếu, theo đó số lượng cổ phiếu của Công ty tại Công ty liên kết này tăng thêm 490.000 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 49% vốn điều lệ tương đương 980.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 11/6/2025 thì Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam 9.800.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

(*) Tại thời điểm 31/12/2025, tất cả các khoản đầu tư nêu trên đều không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch trên thị trường cũng như không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	117.809.555.476	(3.881.145.494)	130.260.462.165	(3.311.151.234)
- Trong đó một số khoản phải thu khách hàng có số dư lớn:				
Công ty CP Dược vật tư Y tế Thành Vinh	148.639.650	-	1.309.526.370	-
Công ty TNHH Dược phẩm Thuận Anh	5.779.512.102	-	9.454.374.467	-
Công ty Cổ phần Y dược Pháp Âu	892.019.757	-	1.450.206.484	-
Công ty TNHH Đức Tâm	2.739.541.083	-	868.896.298	-
Công ty cổ phần Dược phẩm Vinh Gia	1.064.753.077	-	2.869.454.757	-
Công ty TNHH Trường Huy	2.969.374.918	-	4.119.196.070	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hạnh Hà	-	-	4.821.708.418	-
Công ty cổ phần dược phẩm VINAPLANT	6.973.025.318	-	5.131.474.842	-
Công ty TNHH Dược phẩm STABLED	884.881.615	-	4.380.639.034	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kim Long	1.657.733.296	-	2.879.529.852	-
Bệnh viện Thành phố Thủ Đức	1.774.525.000	(1.671.860.000)	1.992.665.000	(1.722.334.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

Công ty Cổ phần Dược phẩm và Thiết bị y tế Hà Tây	13.747.403.367	-	13.644.284.878	-
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	37.438.000.011	-	61.003.338.292	-
Công ty Cổ phần Thiết bị T&T	9.799.671.420	-	837.406.953	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Thiết bị y tế Life	1.738.670.425	-	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quang Cường	8.019.153.310	-	-	-

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

4. Trả trước cho người bán	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	32.697.898.240	58.456.628.765
- Trong đó một số khoản trả trước cho người bán có số dư lớn:		
Panpharma GMBH	-	13.154.807.906
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	1.200.236.884	1.709.103.940
XL Laboratories PVT.,LTD	-	18.931.343.957
Công ty TNHH Chế tạo máy dược phẩm Tiến Tuấn	51.840.000	359.276.040
Pharmametics products a division of max Biocare	2.573.704.006	3.043.217.797
Công ty TNHH Tập đoàn thang máy thiết bị Thăng Long	-	824.800.000
Delta Pharma Ltd	7.846.059.364	5.145.850.347
Inbiotech l.t.d	6.997.520.425	-
Saifen Drugs Philippines Inc	2.840.549.628	-
Blis pharma distribution and Consultancy corp.	3.384.715.680	2.455.710.000

5. Phải thu khác	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	3.163.351.575	-	8.868.366.252	-
Phải thu khác	3.072.375.264	-	2.043.468.641	-
Lãi dự thu	3.045.424.635	-	1.979.397.260	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	1.904.219.178	-	1.979.397.260	-
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Đông	546.356.141	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô	594.849.316	-	-	-
Các đối tượng khác	26.950.629	-	64.071.381	-
Tạm ứng	90.976.311	-	417.855.111	-
Hoàng Thị Minh Nguyệt	-	-	300.000.000	-
Đối tượng khác	90.976.311	-	117.855.111	-
Đặt cọc, ký quỹ	-	-	6.407.042.500	-
Ban quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc (*)	-	-	6.407.042.500	-
b) Dài hạn	6.407.042.500	-	-	-
Đặt cọc, ký quỹ	6.407.042.500	-	-	-
Ban quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc (*)	6.407.042.500	-	-	-
Cộng	9.570.394.075	-	8.868.366.252	-

(*) Khoản ký quỹ cho Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc để đảm bảo thực hiện dự án đầu tư "Nhà máy sản xuất dược phẩm công nghệ cao Hataphar" được thỏa thuận tại Thỏa thuận ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư số 06/TTKQ ngày 27 tháng 11 năm 2020.

6. Nợ xấu

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán đã trích lập dự phòng				
Phải thu khách hàng	3.539.882.618	370.409.124	3.544.698.431	233.547.197
Bệnh viện thành phố Thủ Đức	1.774.525.000	102.665.000	1.866.065.000	143.731.000
Các đối tượng khác	1.765.357.618	267.744.124	1.678.633.431	89.816.197
Trả trước cho người bán	711.672.000	-	-	-
Công ty CP giải pháp ERP	711.672.000	-	-	-
Cộng	4.251.554.618	370.409.124	3.544.698.431	233.547.197

7. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	127.357.336.205	-	65.940.100.079	-
Nguyên liệu, vật liệu	70.055.789.195	-	92.390.339.708	-
Công cụ, dụng cụ	56.353.924	-	314.745.427	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.735.832.625	-	1.838.766.875	-
Thành phẩm	23.437.595.070	-	43.390.614.449	(1.961.049.751)
Hàng hóa	259.694.070.639	-	298.362.438.653	-
Cộng	490.336.977.658	-	502.237.005.191	(1.961.049.751)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Quyền sử dụng đất	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2025	650.000.000	1.376.660.000	2.026.660.000
Số dư ngày 31/12/2025	650.000.000	1.376.660.000	2.026.660.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2025	650.000.000	-	650.000.000
Số dư ngày 31/12/2025	650.000.000	-	650.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	-	1.376.660.000	1.376.660.000
Tại ngày 31/12/2025	-	1.376.660.000	1.376.660.000

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025: 650.000.000 VND (Tại ngày 31/12/2024: 650.000.000 VND).

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí thẩm định AQP	1.277.777.778	-
Chi phí nghiên cứu, phát triển sản phẩm thuốc	14.559.878.894	6.912.583.752
Dự án Nhà máy dược phẩm công nghệ cao Láng Hòa Lạc (*)	807.746.227.200	783.197.217.350
Cộng	823.583.883.872	790.109.801.102

(*) Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất dược phẩm Công nghệ cao Hataphar được thực hiện theo quyết định số 163/QĐ-CNCHL ngày 07/10/2020. Dự án có diện tích 45.188 m² nằm tại Lô CN1-03A-1, CN1-03A-2, CN1-03A-3, khu công nghiệp công nghệ cao 1, khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Thát, thành phố Hà Nội với tổng mức đầu tư là 1.283 tỷ đồng. Dự án thực hiện đầu tư các hạng mục chủ yếu là: Nhà văn phòng và trung tâm nghiên cứu; Nhà xưởng sản xuất công nghệ chiết suất siêu tới hạn; Nhà xưởng sản xuất thuốc chứa hormone; Nhà xưởng sản xuất thuốc theo công nghệ nano; và Nhà kho trung tâm. Dự án được chia thành 04 giai đoạn, toàn bộ Dự án vào vận hành đồng bộ trong quý IV/2027. Tính đến thời điểm lập báo cáo, dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện cơ sở hạ tầng và bàn giao.

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Địa chỉ: Số 10A Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					Đơn vị tính: VND	
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2025	148.548.688.718	226.459.757.362	10.057.895.478	4.663.246.467	439.282.500	390.168.870.525
Mua trong năm	-	5.379.191.028	1.944.434.003	47.800.000	-	7.371.425.031
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.046.101.345	-	-	-	-	3.046.101.345
Thanh lý, nhượng bán	-	(770.114.703)	(860.090.900)	(880.434.524)	-	(2.510.640.127)
Số dư ngày 31/12/2025	151.594.790.063	231.068.833.687	11.142.238.581	3.830.611.943	439.282.500	398.075.756.774
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2025	85.053.425.626	124.536.441.980	5.682.389.665	4.474.850.023	439.282.500	220.186.389.794
Khấu hao trong năm	6.384.760.182	14.844.318.936	716.869.761	43.860.119	-	21.989.808.998
Thanh lý, nhượng bán	-	(770.114.703)	(860.090.900)	(880.434.524)	-	(2.510.640.127)
Số dư ngày 31/12/2025	91.438.185.808	138.610.646.213	5.539.168.526	3.638.275.618	439.282.500	239.665.558.665
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	63.495.263.092	101.923.315.382	4.375.505.813	188.396.444	-	169.982.480.731
Tại ngày 31/12/2025	60.156.604.255	92.458.187.474	5.603.070.055	192.336.325	-	158.410.198.109

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025: 144.658.924.552 VND (Tại ngày 31/12/2024: 147.065.273.043 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

11. Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2.465.920.534	1.378.549.737
Chi phí sửa chữa TSCĐ	2.858.499.091	3.228.447.845
Chi phí trả trước khác	307.754.625	23.958.333
Cộng	5.632.174.250	4.630.955.915

12. Phải trả người bán

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	256.117.722.179	256.117.722.179	223.336.294.360	223.336.294.360
- Trong đó một số khoản phải trả người bán có số dư lớn:				
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đông Âu	3.979.856.644	3.979.856.644	3.907.753.067	3.907.753.067
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	4.686.428.203	4.686.428.203	9.240.668.628	9.240.668.628
Công ty TNHH Y dược Quang Minh	564.299.713	564.299.713	564.299.713	564.299.713
KPC Pharmaceuticals, Inc	19.025.983.320	19.025.983.320	18.745.888.869	18.745.888.869
Laboratorio Italiano Biochimico Farmaceutico Lisa pharma S.P.A	-	-	24.197.333.026	24.197.333.026
XL Laboratories PVT.,LTD	22.359.757.441	22.359.757.441	16.837.250.486	16.837.250.486
Pharmaunity Co.,ltd	13.349.510.483	13.349.510.483	33.987.410.018	33.987.410.018
Delta Pharma Ltd	35.828.249.950	35.828.249.950	-	-
Blis pharma distribution and Consultancy corp.	40.758.864.060	40.758.864.060	-	-
Gracure Pharmaceuticals Limited	-	-	12.949.962.228	12.949.962.228

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	177.873.939.986	130.401.909.109
- Trong đó một số khoản người mua trả trước có số dư lớn:		
Công ty Cổ phần Thiết bị T&T	790.000.000	6.556.194.866
Công ty CP Thương mại và Dược phẩm T&T	6.442.145.755	2.779.357.780
Công ty CP Kinh doanh thương mại Tân Trường Sinh.	-	2.911.479.920
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thuận An Phát	10.784.000.000	-
Công ty TNHH Dược phẩm Bảo Ngân	-	10.735.707.200
Công ty TNHH Dược phẩm Đông Đô	2.502.291.750	31.178.516.478
Công ty TNHH Thương mại Dược TB Việt Nam	49.761.555.583	24.495.082.359
Công ty Cổ phần Dược phẩm Vietlife	3.117.958.640	3.722.000.000
Công ty TNHH Dược phẩm Hiếu Anh	8.045.259.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Lâm An	6.509.000.000	11.700.000.000
Công ty TNHH Dược phẩm Tân Đại Cát	-	3.409.598.360
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Thiết bị y tế Life	7.278.056.310	21.569.500
Công ty TNHH Sinh dược phẩm Đại Sông Dương	9.028.478.251	1.993.438.216
Công ty TNHH Dược phẩm California USA	5.753.424.645	2.727.399.751
Công ty Cổ phần Dược phẩm Pháp	28.976.548.644	2.850.000.000

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

				Đơn vị tính: VND
Khoản mục	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	6.639.831	4.633.120.621	4.401.031.337	238.729.115
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	84.665.346.046	84.665.346.046	-
Thuế TNDN	4.634.215.172	12.453.000.444	13.155.201.692	3.932.013.924
Thuế Thu nhập cá nhân	980.002.093	3.135.892.556	3.992.859.476	123.035.173
Thuế tài nguyên	-	25.176.480	25.176.480	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	4.089.131.568	4.089.131.568	-
Lệ phí môn bài	-	20.000.000	20.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	19.956.000	19.956.000	-
Cộng	5.620.857.096	109.041.623.715	110.368.702.599	4.293.778.212
b) Phải thu				
Thuế GTGT đầu ra	622.855.829	622.855.829	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	8.413.385	12.255.191.187	12.246.777.802	-
Cộng	631.269.214	12.878.047.016	12.246.777.802	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

15. Vay

Đơn vị tính: VND

	Trong năm				Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
	31/12/2025	01/01/2025	Giá trị	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	249.995.403.408	249.995.403.408	662.632.871.547	785.911.443.006	373.273.974.867	373.273.974.867
a1) Vay ngắn hạn	236.150.695.483	236.150.695.483	648.788.163.622	772.066.735.081	359.429.266.942	359.429.266.942
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (1)	30.495.815.849	30.495.815.849	129.386.339.310	243.328.986.143	144.438.462.682	144.438.462.682
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (2)	62.312.611.959	62.312.611.959	179.730.674.158	217.502.558.858	100.084.496.659	100.084.496.659
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội (3)	52.050.860.989	52.050.860.989	138.615.055.744	142.161.247.671	55.597.052.916	55.597.052.916
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ngọc Khánh (4)	24.409.904.245	24.409.904.245	124.649.981.402	117.418.304.819	17.178.227.662	17.178.227.662
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội 2 (5)	20.833.350.869	20.833.350.869	45.577.945.149	24.744.594.280	-	-
Vay cá nhân (6)	46.048.151.572	46.048.151.572	30.828.167.859	26.911.043.310	42.131.027.023	42.131.027.023
a2) Nợ dài hạn đến hạn trả	13.844.707.925	13.844.707.925	13.844.707.925	13.844.707.925	13.844.707.925	13.844.707.925
Ngân hàng MUFG, LTD - Chi nhánh Thành phố Hà Nội (7)	13.844.707.925	13.844.707.925	13.844.707.925	13.844.707.925	13.844.707.925	13.844.707.925
b) Vay dài hạn	83.068.247.547	83.068.247.547	-	13.844.707.925	96.912.955.472	96.912.955.472
Ngân hàng MUFG, LTD - Chi nhánh Thành phố Hà Nội (7)	83.068.247.547	83.068.247.547	-	13.844.707.925	96.912.955.472	96.912.955.472
Cộng	333.063.650.955	333.063.650.955	662.632.871.547	799.756.150.931	470.186.930.339	470.186.930.339

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

- (1) Hợp đồng cấp tín dụng số 31/10/2025-HĐCVHM/NHCT320-HATAPHAR ngày 31/10/2025, hạn mức cho vay 300 tỷ đồng (đã bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng cấp tín dụng số 2209/2024-HĐCVHM/NHCT320-HATAPHAR ngày 22/09/2024), mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất; thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 5 tháng/giấy nhận nợ kể từ thời điểm giải ngân khoản vay; thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/10/2026; khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (2) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 04/25/QLN/HM/VCBTHN ngày 06/02/2025 đính kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 04/25/QLN/CTD/VCBTHN ngày 06/02/2025, hợp đồng phát hành thư tín dụng theo hạn mức số 04/25/QLN/HMLC/VCBTHN ngày 06/02/2025, thỏa thuận bảo lãnh cấp tín dụng theo hạn mức số 04/25/QLN/HMLB/VCBTHN ngày 06/02/2025 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 04/4/2025, hạn mức cho vay 200 tỷ đồng (bao gồm cả hạn mức của hợp đồng cho vay theo hạn mức số 37/23/QLN/HM/VCBTHN ngày 17/10/2023), mục đích vay để tài trợ các nhu cầu vay vốn ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định, lãi suất quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ; thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 05 tháng; thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hoặc đến hết ngày 19/02/2026 tùy theo trường hợp nào đến trước; khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 130002065517 ngày 16/08/2019 và phụ lục gia hạn - sửa đổi bổ sung số 130002065517/11 ngày 16/8/2025 gia hạn hạn mức đến ngày 15/08/2026, hạn mức cho vay là 80 tỷ đồng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; lãi suất vay: đối với trường hợp lãi suất cố định cho khoản vay áp dụng lãi suất cố định trong suốt thời hạn cho vay theo mức lãi suất quy định trên Đơn rút vốn vay kiêm Khế ước nhận nợ của từng khoản vay, trường hợp lãi suất điều chỉnh: áp dụng mức lãi suất tham chiếu MFC 3 tháng cộng (+) Biên độ 0,74%/năm và điều chỉnh 3 tháng một lần trong suốt thời hạn cho vay; thời hạn mỗi khoản tín dụng trong hạn mức quy định từng lần bản nhận nợ nhưng không vượt quá 05 tháng/khế ước nhận nợ; khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/177578/HĐTD ngày 10/6/2025; hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 200 tỷ đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; lãi suất được xác định trong từng hợp đồng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này; khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (5) Hợp đồng tín dụng số 1505-LAV-202500773 ngày 02/7/2025 và Phụ lục số 01 ngày 03/7/2025, hạn mức cho vay 30 tỷ đồng, mục đích sử dụng vốn vay và thanh toán LC bằng vốn vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2025-2026; lãi suất cho vay áp dụng lãi suất biến đổi theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm nhận nợ; thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể nhưng không quá 06 tháng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này; khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (6) Các khoản vay cá nhân theo từng hợp đồng vay, nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay dưới 12 tháng; lãi suất từ 0,033%/tháng đến 0,4%/tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

(7) Hợp đồng tín dụng dài hạn số FL/053/22 ngày 02/8/2022, thỏa thuận sửa đổi số 02 ngày 17/01/2023, thỏa thuận sửa đổi số 03 ngày 27/12/2023 đối với Hợp đồng tín dụng số FL/053/22 ngày 02/8/2022, hạn mức tín dụng không vượt quá 235 tỷ đồng, thời hạn vay đến 31/12/2032. Mục đích vay để sử dụng cho Đầu tư Tài sản cố định/Xây dựng nhà máy và không sử dụng cho mục đích nào khác. Lãi suất cụ thể cho kỳ tính lãi đầu tiên được nêu trong Đề nghị rút vốn tạo thành một phần không tách rời của các đề nghị đó sẽ có giá trị ràng buộc hai bên kể từ thời điểm Ngân hàng và Khách hàng đồng ý về mức lãi suất đó (dù bằng lời nói hoặc cách nào khác), mức lãi suất cụ thể và các điều khoản khác của các khoản rút vốn sau đó sẽ được ghi lại bằng chứng trong một thông báo "Thông báo khoản vay" được Ngân hàng gửi cho Khách hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng thư bảo lãnh do Aska Pharmaceutial Holdings Co., Ltd phát hành ngày 02/8/2022. Đợt hoàn trả đầu tiên liên quan đến một khoản Rút vốn sẽ được thực hiện vào ngày làm việc cuối cùng của tháng 12 năm 2025, các đợt hoàn trả tiếp theo sẽ được thực hiện 12 tháng một lần.

16. Phải trả khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	191.526.944	72.107.933
Các khoản phải trả, phải nộp khác	191.526.944	72.107.933
b) Dài hạn	3.337.100.000	4.403.300.000
Nhận ký cược, ký quỹ	3.337.100.000	4.403.300.000
Cộng	3.528.626.944	4.475.407.933

17. Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	111.756.803	162.743.579
Cộng	111.756.803	162.743.579

18. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê nhà và địa điểm	575.370.229	909.298.387
Cộng	575.370.229	909.298.387

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Địa chỉ: Số 10A Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư ngày 01/01/2024	823.417.730.000	96.320.000.000	24.375.893.101	(15.130.000)	8.963.148.976	79.313.204.892	1.032.374.846.969
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	67.563.189.336	67.563.189.336
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	-	-	(41.170.130.000)	(41.170.130.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2024	-	-	-	-	-	(41.170.130.000)	(41.170.130.000)
Số dư ngày 31/12/2024	823.417.730.000	96.320.000.000	24.375.893.101	(15.130.000)	8.963.148.976	64.536.134.228	1.017.597.776.305
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	52.445.587.221	52.445.587.221
Tăng vốn góp của Chủ sở hữu từ Thặng dư vốn cổ phần (*)	60.037.780.000	(60.037.780.000)	-	-	-	-	-
Tăng vốn góp của Chủ sở hữu từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	22.300.000.000	-	-	-	-	(22.300.000.000)	-

Số dư ngày 31/12/2025 905.755.510.000 36.282.220.000 24.375.893.101 (15.130.000) 8.963.148.976 94.681.721.449 1.070.043.363.526

(*) Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn cho cổ đông hiện hữu từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, nâng vốn điều lệ từ 823.417.730.000 đồng lên 905.755.510.000 đồng. Đợt tăng vốn được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 693/NQ-DHT ngày 17/9/2025 của Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 707/NQ-DHT ngày 24/9/2025, Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu số 819/BC-DHT ngày 30/10/2025 của Công ty CP Dược phẩm Hà Tây với số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 8.233.778 cổ phiếu cho 955 cổ đông, tỷ lệ thực hiện quyền 10:1. Công ty đã nhận được công văn số 7157/UBCK-QLCB ngày 06/11/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty CP Dược phẩm Hà Tây và công văn số 15186/VSDC-ĐKCP.NV ngày 13/11/2025 của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) thông báo xác nhận điều chỉnh thông tin số lượng cổ phiếu đăng ký tại VSDC và Quyết định số 1389/QĐ-SGDHN ngày 25/11/2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội Về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố Hà Nội	34.076.520.000	30.978.660.000
ASKA Pharmaceutical Co., Ltd	362.727.620.000	321.810.390.000
Ông Lê Văn Lớ	50.819.900.000	46.199.910.000
Ông Ngô Văn Chinh	22.195.920.000	20.178.110.000
Ông Hoàng Văn Tuế	36.153.210.000	32.866.560.000
Bà Lê Việt Linh	57.441.840.000	52.219.860.000
Bà Nguyễn Thị Minh Hậu	1.725.100.000	1.568.280.000
Ông Lê Anh Trung	33.718.720.000	30.653.390.000
Ông Lê Xuân Thắng	35.205.290.000	32.004.810.000
Ông Ngô Tuấn Việt	5.500.000.000	5.000.000.000
Các cổ đông khác	266.191.390.000	249.937.760.000
Cộng	905.755.510.000	823.417.730.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	823.417.730.000	823.417.730.000
Vốn góp tăng trong năm	82.337.780.000	-
Vốn góp cuối năm	905.755.510.000	823.417.730.000
Cổ tức, lợi nhuận, cổ phiếu thưởng đã chia	82.337.780.000	82.340.260.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	90.575.551	82.341.773
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.575.551	82.341.773
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	90.575.551	82.341.773
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	1.513	1.513
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.513	1.513
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.574.038	82.340.260
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	90.574.038	82.340.260
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu		

e) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán riêng

Ngoại tệ các loại	31/12/2025	01/01/2025
USD	4.387,44	8.883,21
EUR	365,98	311,93

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	1.753.433.870.393	1.342.328.144.612
Doanh thu bán thành phẩm	540.789.586.580	613.816.954.213
Cộng	2.294.223.456.973	1.956.145.098.825

b) Doanh thu với các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hàng bán bị trả lại	345.784.860	190.968.300
Cộng	345.784.860	190.968.300

3. Doanh thu thuần bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa	1.753.433.870.393	1.342.328.144.612
Doanh thu thuần bán thành phẩm	540.443.801.720	613.625.985.913
Cộng	2.293.877.672.113	1.955.954.130.525

4. Giá vốn bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.719.317.490.938	1.308.535.986.433
Giá vốn của thành phẩm đã bán	377.164.629.150	445.634.896.579
Chi phí khấu hao TSCĐ dưới công suất	1.091.537.370	-
Chi phí xử lý hàng tồn kho	756.225.638	253.793.480
Cộng	2.098.329.883.096	1.754.424.676.492

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm		
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.813.148.349	7.561.143.156
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.216.550.000	6.299.437.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.732.513.504	2.015.910.011
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	13.617.228.141	8.952.679.359
Doanh thu tài chính khác	-	473.191.874
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	303.256	-
Cộng	31.379.743.250	25.302.361.900

b) Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**6. Chi phí tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong năm		
Chi phí lãi vay	13.056.306.308	13.449.114.864
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.738.624.571	4.534.476.761
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	1.287.018.069
Chi phí tài chính khác	-	753.290.764
Cộng	19.794.930.879	20.023.900.458

b) Chi phí hoạt động tài chính với các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3**7. Thu nhập khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	102.700.000	150.000.000
Thu nhập từ cho thuê địa điểm	13.676.476.277	10.870.868.477
Cho thuê nhân công	460.159.575	459.565.181
Thu từ hỗ trợ vận chuyển	1.519.604.315	1.075.692.200
Thu nhập khác	125.465.672	980.545.469
Cộng	15.884.405.839	13.536.671.327

8. Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Truy thu thuế, phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	323.094.670	909.155.925
Thuế GTGT không được khấu trừ	553.224.714	-
Các khoản chi phí khác	7.205	199.158.656
Cộng	876.326.589	1.108.314.581

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

9. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	32.262.938.872	27.297.191.318
Chi phí nhân viên bán hàng	17.310.242.746	15.909.591.373
Chi phí vật liệu, bao bì	836.006.359	305.846.061
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	89.106.503	106.833.284
Chi phí khấu hao TSCĐ	607.104.363	491.233.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.029.844.427	946.433.279
Chi phí bằng tiền khác	11.390.634.474	9.537.254.080
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	125.321.664.656	107.082.469.015
Chi phí nhân viên quản lý	53.145.088.280	45.569.869.107
Chi phí vật liệu quản lý	4.340.644.037	4.231.831.291
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.108.783.138	6.071.379.803
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.493.613.112	2.081.894.153
Thuế, phí và lệ phí	1.827.103.140	3.850.623.408
Chi phí dự phòng	912.504.815	93.986.085
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.023.928.228	13.392.680.656
Chi phí bằng tiền khác	32.469.999.906	31.790.204.512
c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	(342.510.555)	(556.515.191)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(342.510.555)	(556.515.191)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	315.995.125.186	411.840.172.162
Chi phí nhân công	96.499.664.452	83.324.578.508
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.989.808.998	15.523.458.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.692.653.678	10.769.677.513
Chi phí khác bằng tiền	78.509.670.571	64.978.214.565
Cộng	540.686.922.885	586.436.101.281

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	64.898.587.665	85.413.127.079
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.216.550.000)	(6.761.966.606)
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	6.886.524.861	1.206.008.038
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	(2.303.560.306)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	62.265.002.220	79.857.168.511

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.453.000.444	15.971.433.702
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	1.878.504.041
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.453.000.444	17.849.937.743

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính riêng này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tăng vốn góp CSH từ thặng dư vốn cổ phần, Lợi nhuận sau thuế	82.337.780.000	-
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
2. Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	648.788.163.622	746.915.115.047
3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	785.911.443.006	780.428.609.980

VIII. Những thông tin khác**1. Các cam kết**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Công ty có cơ sở kinh doanh và ký hợp đồng thuê đất với Ban quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc nhằm mục đích thực hiện dự án xây dựng Nhà máy sản xuất dược phẩm Công nghệ cao Hataphar. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan:**Bên liên quan**

Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà Tây
 Công ty TNHH Hataphar Miền Nam
 Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam
 Ông Lê Văn Lớ
 Ông Hiroyasu Nishioka
 Ông Keisuke Oshio
 Ông Lê Xuân Thắng
 Ông Nguyễn Bá Lai
 Ông Ngô Tuấn Việt
 Ông Hoàng Văn Tuế
 Ông Lê Anh Trung
 Bà Lê Việt Linh
 Ông Ngô Văn Chinh
 Ông Kazuhiro Chiku
 Ông Đặng Đình Dự
 Ông Nguyễn Hà Đệ

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Chủ tịch HĐQT
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT
 Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT
 Phó Tổng giám đốc
 Phó Tổng giám đốc
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
 Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
 Trưởng Ban Kiểm soát
 Thành viên Ban kiểm soát
 (Bổ nhiệm từ ngày 14/4/2025)
 Thành viên Ban kiểm soát
 (Miễn nhiệm từ ngày 14/4/2025)
 Thành viên Ban kiểm soát

3.1. Trong năm, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Mua hàng		
Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	3.969.688.298	5.112.546.542
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	72.889.324.154	76.910.001.082
b) Bán hàng		
Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	18.239.132.461	15.606.649.732
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam	327.272.728	327.272.728
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	195.115.494.371	270.636.759.428
c) Cổ tức được chia		
Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	4.171.550.000	5.214.437.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

Công ty TNHH Hataphar Miền Nam	105.000.000	105.000.000
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	2.940.000.000	980.000.000
d) Chiết khấu thanh toán nhận được		
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	3.169.289.603	2.512.699.474
e) Vay trong năm		
Ông Lê Văn Lớ	16.545.585.593	14.859.297.825
Ông Nguyễn Bá Lai	1.000.000.000	565.769.684
Ông Hoàng Văn Tuế	958.000.000	980.400.000
f) Trả vay trong năm		
Ông Lê Văn Lớ	120.000.000	26.884.472.000
Ông Nguyễn Bá Lai	-	560.061.000
Ông Lê Xuân Thắng	-	4.730.535.000
Ông Hoàng Văn Tuế	1.298.528.000	3.201.291.000
Ông Lê Anh Trung	-	4.319.271.000
Bà Lê Việt Linh	-	7.123.350.000
Ông Ngô Văn Chinh	-	1.965.402.000
g) Chi phí lãi vay		
Ông Lê Văn Lớ	1.076.358.026	876.118.909
Ông Nguyễn Bá Lai	144.885.488	165.025.063
Ông Lê Xuân Thắng	-	575.548.425
Ông Hoàng Văn Tuế	49.173.038	411.092.351
Ông Lê Anh Trung	20.892.671	546.890.518
Bà Lê Việt Linh	-	643.690.650
Ông Ngô Văn Chinh	-	239.123.910

3.2. Số dư với các bên liên quan

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Phải thu khách hàng		
Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	13.747.403.367	13.644.284.878
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	37.438.000.011	61.003.338.292
b) Trả trước cho người bán		
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	1.200.236.884	1.709.103.940
c) Phải trả người bán		
Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	29.678.000	766.490.056

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	4.686.428.203	9.240.668.628
---	---------------	---------------

d) Vay

Ông Lê Văn Lớ	24.326.171.582	7.900.585.989
Ông Nguyễn Bá Lai	3.000.000.000	2.000.000.000
Ông Hoàng Văn Tuế	639.872.000	980.400.000
Ông Lê Anh Trung	429.301.455	429.301.455

3.3. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Lê Văn Lớ	Chủ tịch HĐQT	1.707.831.800	1.828.616.400
Ông Hiroyasu Nishioka	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Keisuke Oshio	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Lê Xuân Thắng	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	1.568.722.660	1.672.005.700
Ông Nguyễn Bá Lai	Phó Tổng giám đốc	1.377.549.400	1.448.247.000
Ông Lê Anh Trung	Phó Tổng giám đốc kiêm Phó chủ tịch HĐQT	1.469.571.100	1.574.217.600
Bà Lê Việt Linh	Phó Tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT	1.477.838.260	1.572.057.400
Ông Ngô Tuấn Việt	Phó Tổng giám đốc	935.096.600	903.965.400
Ông Hoàng Văn Tuế	Kế toán trưởng kiêm thành viên HĐQT	1.336.619.760	1.417.625.500
Ông Ngô Văn Chinh	Trưởng Ban kiểm soát	1.226.640.400	1.340.066.900
Ông Đặng Đình Dự	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 14/4/2025)		452.255.300
Ông Nguyễn Hà Đệ	Thành viên Ban kiểm soát	459.155.600	430.809.000
Ông Kazuhizo Chiku	Thành viên Ban kiểm soát (Bỏ nhiệm ngày 14/4/2025)	-	
Cộng		11.559.025.580	12.639.866.200

4. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Người lập



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuế

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY



Lê Xuân Thắng